TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 14/9/2022
V/v tranh chấp "*Thừa kế tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc
Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Trần Vinh Quang
2/- Ông Nguyễn An Toại

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2017/TLST-DS ngày 01/12/2017 về việc: "*Tranh chấp thừa kế tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**. sinh năm: 1956.
Bà **Trần Thị Trang Đ**. sinh năm: 1975.
Cùng địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
Bà **Trần Thị P** (chết 2021); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: chị **Nguyễn Thị Diễm P**. sinh năm: 1970. Địa chỉ: khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.
Ông **Trần Bá X** (chết 2020); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm có: bà **Vương Thị Mỹ L**. sinh năm: 1967; anh **Trần Bá T**. sinh năm: 1990 và chị **Trần Thị Kim T**. sinh năm: 1996. Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: ông **Lưu Ngọc T**. sinh năm: 1966. Địa chỉ:khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 09/11/2017; ngày 05/5/2021 và ngày 23/3/2022*). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Bá P**. sinh năm: 1961. Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: anh **Trần Bá L**. sinh năm: 1986. Ngụ cùng địa chỉ bị đơn (*văn bản ủy quyền ngày 24/4/2021*). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **NLQ1** (*tên khác Nguyễn Kim L*). sinh năm: 1958. Địa chỉ: B, H, T.X A, USA. Vắng mặt.

- Ông **NLQ2** (*tên khác Lương Hồng Nguyễn*). sinh năm: 1962. Địa chỉ: W, U, Co , USA. Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Lưu Ngọc T** (*văn bản ủy quyền ngày 18/4/2019*). Có mặt.

- Ông **NLQ3** (*tên khác Tran Ba Winceni*). sinh năm: 1964. Địa chỉ: R, V, France. Vắng mặt.

- **NLQ4** . Người đại diện theo ủy quyền: ông **NLQ4** , Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T (*văn bản ủy quyền ngày 11/8/2022*). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị P, **Trần Thị H**, **Trần Thị Trang Đ** và ông **Trần Bá X** thông qua người đại diện ủy quyền trình bày:*

Cha mẹ ruột của các đương sự là ông Trần Bá T1 (chết năm 1983) và bà Nguyễn Kim D (chết năm 1975) có tất cả 08 người con gồm: Trần Thị P, **Trần Thị H**, **Trần Bá P**, Trần Bá X, **Trần Thị Trang Đ**, **NLQ1** và **NLQ2** (hiện đang ở Mỹ), **NLQ3** (hiện đang ở Pháp).

Cha của các đương sự là con duy nhất của cụ ông Trần Văn **K** (chết 1991) và cụ bà L Thị H1 (chết 1996). Cụ **K** và cụ H1 có tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà cấp 4, có gác lững trên diện tích đất 153m^2 (T) thuộc thửa 261, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000424 ngày 12/8/1992 do cụ Trần Văn **K** đứng tên, tọa lạc tại ấp L, thị trấn T, huyện T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, ước tính trị giá tài sản khoảng 04 tỷ đồng.

Cụ **K**, cụ H1 chết không để lại di chúc nên tài sản là nhà đất nói trên trở thành di sản thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ **K**, cụ H1 là con duy nhất Trần Bá T2 cũng đã chết trước hai cụ (năm 1983) nên các đương sự là cháu nội là những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật khối di sản của cụ **K**, cụ H1. Sau khi ông bà nội chết, các nguyên đơn bà Trần Thị P, **Trần Thị H** và **Trần Thị Trang Đ** cùng bị đơn ông **Trần Bá P** quản lý, sử dụng nhà đất này. Thời gian sau các nguyên đơn có nhu cầu phân chia di sản để anh chị em có điều kiện tách ra sống riêng và có vốn làm ăn nhưng ông **P** không đồng ý chia. Do đó các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận tài sản nhà đất nói trên là di sản của cụ **K**, cụ H1, công nhận các nguyên đơn là người thừa kế theo pháp luật của cụ **K**, cụ H1 và yêu cầu mỗi người được chia 1/8 khối di sản, giá trị mỗi phần ước tính khoảng

500.000.000đ; nếu không thể phân chia hiện vật được thì yêu cầu bán hiện vật để chia.

* *Bị đơn ông **Trần Bá P***: vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Ngày 24/4/2021 ông **P** ủy quyền tham gia tố tụng cho anh **Trần Bá L**. Ngày 27/4/2021 Tòa án có lập Biên bản làm việc ghi nhận ý kiến của anh **L** cho biết sẽ cung cấp ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời anh **L** cũng nêu ý kiến là muốn hòa giải với phía nguyên đơn, nhưng sau đó anh luôn vắng mặt không tham gia khi Tòa án triệu tập.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà **NLQ1** , ông **NLQ2** và ông **NLQ3** vắng mặt. Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định tại các Điều 464, 476, 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp.

Riêng đối với ông **NLQ2** ngày 17/4/2019 có về Việt Nam và Tòa án đã lập biên bản ghi nhận được lời khai của ông (BL 90) xác định: về quan hệ nhân thân, quan hệ huyết thống cũng như nguồn gốc tài sản là di sản thừa kế đang tranh chấp đúng như các nguyên đơn trình bày. Đồng thời ông cũng xác định rõ trường hợp Tòa án giải quyết chia khối di sản thừa kế trên theo quy định pháp luật, thì kỷ phần thừa kế của ông được hưởng ông đồng ý tặng cho lại chị gái là bà **Trần Thị H**, bà Hồng được toàn quyền quyết định đối với kỷ phần thừa kế mà ông tặng cho lại.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế nhà đất nói trên thành 08 phần cho 08 người thừa kế kể trên. Đối với những người đã chết thì các thừa kế thế vị của họ được hưởng, riêng kỷ phần của bà **NLQ1** và ông **NLQ3** do không biết được ý kiến của họ, nên Tòa án có thể tạm giao kỷ phần của họ cho ông **P** quản lý. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu, Tòa án đã thực hiện đúng theo quy đinh của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu. Do nhà đất trên không thể chia hiện vật, nên chia và giao cho bị đơn hiện vật, bị đơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác. Bà P, ông X đã chết nên thừa kế của họ được hưởng. Phần của ông **NLQ2** đã tặng cho bà Hồng nên bà Hồng được hưởng. Phần của bà **NLQ1** , ông **NLQ3** tạm giao cho bị đơn quản lý sau này giao lại cho họ khi có yêu cầu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia và được hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông bà nội để lại là căn nhà cấp 4 có gác lửng, trên diện tích 153m^2 (đất T), tọa lạc tại ấp L, thị trấn T, huyện T, nay là khu vực L, phường T,

quận T, thành phố Cần Thơ; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000424 ngày 12/8/1992 do UBND huyện T cấp cho cụ Trần Văn **K**. Do đó, quan hệ pháp được xác định là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cụ Trần Văn **K** chết năm 1991, cụ L Thị H1 chết năm 1996. Ngày 13/11/2017 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn thời hiệu theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án không thể thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như thu thập ý kiến, nên theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp và đề nghị Ban đối ngoại (VOV5) Đài tiếng nói Việt Nam đăng Thông báo bằng tiếng Anh và tiếng Pháp trên trang web vovworld.vn Đài TNVN đối với bà **NLQ1** và ông **NLQ3** từ ngày 26/3/2021 đến ngày 28/3/2021 nhưng không có thông tin phản hồi từ bà **NLQ1** , ông **NLQ3** . Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt công khai các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về diện thừa kế: cụ Trần Văn **K** và cụ L Thị H1 chỉ có một người con duy nhất là ông Trần Bá T2 (chết năm 1983). Ông T2 chỉ có một người vợ là bà Nguyễn Kim D (chết năm 1975) và 08 người con kể trên. Do ông T2 chết trước cụ **K**, cụ H1 nên 08 người con của ông T2 là người thừa kế thế vị. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng thì ông **Trần Bá X** (chết năm 2020), bà **Trần Thị P** (chết năm 2021) nên vợ, con của ông X; con bà P được thừa kế, thừa kế thế vị kỷ phần của họ theo Điều 651, 652 Bộ luật dân sự. Như vậy, những người hưởng thừa kế sẽ là: bà **Trần Thị H**; ông **Trần Bá P**; bà **Trần Thị Trang Đ**; chị **Nguyễn Thị Diễm P** hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của bà **Trần Thị P** (chết); đối với ông **Trần Bá X** (chết) không có di chúc nên vợ, con ông là bà **Vương Thị Mỹ L**, anh **Trần Bá T**, chị **Trần Thị Kim T** thừa hưởng mỗi người bằng nhau; ông **NLQ2** (hiện đang ở Mỹ) nhường kỷ phần thừa kế cho bà **Trần Thị H** được hưởng (BL 90); bà **NLQ1** (hiện đang ở Mỹ) và ông **NLQ3** (hiện đang ở Pháp), Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp nhưng không nhận được ý kiến của họ về việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Án lệ số 06/2016/Al ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì phần tài sản thừa kế của bà **NLQ1** , ông **NLQ3** sẽ tạm giao cho người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những người thừa kế vắng mặt.

[4] Về di sản thừa kế: là căn nhà cấp 4 có gác lửng, trên diện tích 153m^2 (đất T), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000424 ngày 12/8/1992 do UBND huyện T (cũ) cấp cho cụ Trần Văn **K**. Xét rằng: theo hồ sơ thể hiện cụ **K** chết ngày 17/02/1991, nhưng ngày 15/6/1992 lại có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do cụ **K** ký và ngày 12/8/1992 cụ **K** được UBND huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận nói trên. Tòa án đã có Công văn số 574/CV-TA ngày 06/9/2018 và Công văn số 571/CV-DS ngày 12/8/2020 nhắc lại yêu cầu UBND quận T cho biết trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho cụ **K** có đúng quy định không? Cấp cho cá nhân cụ **K** hay cấp cho vợ chồng cụ **K**, cụ H1 hoặc cấp cho hộ gia đình do cụ **K** đại diện đứng tên? nhưng không được trả lời. Do đó, có cơ sở kết luận việc UBND huyện T trước đây cấp giấy CNQSDĐ cho cụ **K** là không đúng đối tượng và không đúng trình tự thủ tục, cần tuyên hủy giấy chứng nhận này theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn "*Trong trường hợp đương sự có văn bản của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng chưa kịp cấp giấy chứng nhận QSDĐ, thì Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất đó*". Đối chiếu trường hợp này, mặc dù việc cấp giấy CNQSDĐ là sau khi cụ **K** chết, nhưng cũng đã thể hiện việc sử dụng đất của cụ **K** là hợp pháp nên UBND huyện Thốt Nốt (cũ) mới xét cấp giấy CNQSDĐ cho cụ **K**. Vì vậy, cần xác định căn nhà và 146,8m^2 đất T (diện tích theo đo đạc thực tế) nói trên là di sản sẽ được chia thừa kế cả phần nhà và quyền sử dụng đất cho những người thừa kế.

[5] Về kỷ phần thừa kế: theo Biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2019, đất có giá 40.000.000đ/1m^2; nhà chính trị giá 252.774.240đ, gác lửng 1: 81.555.000đ, gác lửng 2: 97.456.257đ; tổng giá trị nhà là: 431.785.497đ. Và theo Biên bản định giá mới nhất ngày 27/6/2022 các bên đương sự thống nhất giá nhà không thay đổi. giá đất tăng 10% là 44.000.000đ/1m^2. Như vậy đất 44.000.000đ x 146,8m^2 = 6.459.200.000đ + nhà 431.785.497đ = 6.890.985.497đ : 8 = 861.373.187đ là giá trị của mỗi kỷ phần.

[6] Về phương thức chia: do bị đơn và gia đình quản lý, sử dụng và được hưởng lợi từ việc khai thác di sản thông qua việc sử dụng mặt bằng để kinh doanh, buôn bán từ đó đến nay nên không xem xét đến công sức gìn giữ di sản, mà di sản sẽ được chia đều cho mỗi kỷ phần. Đồng thời, để ổn định việc làm ăn, kinh doanh buôn bán nên tiếp tục giao cho bị đơn hưởng hiện vật, sở hữu nhà, quyền sử dụng đất nói trên và phải có trách nhiệm thanh toán trả cho các thừa kế khác mỗi kỷ phần là 861.373.187đ; trong đó bà Hồng được hưởng 02 kỷ phần. Riêng đối với kỷ phần của bà **NLQ1** , ông **NLQ3** sẽ tạm giao cho bị đơn quản lý để sau này giao lại

cho các thừa kế vắng mặt khi có yêu cầu. Đồng thời bị đơn được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản 02 lần tổng cộng 10.448.000đ, mỗi thừa kế đều phải chịu trên kỷ phần được hưởng. Riêng bị đơn được tạm quản lý kỷ phần của bà **NLQ1** , ông **NLQ3** nên phải nộp thay được trích từ kỷ phần của họ. Do bà Hồng đã nộp tạm ứng và chi xong nên các đương sự phải nộp trả lại mỗi kỷ phần 1.306.000đ tại giai đoạn thi hành án.

Về chi phỉ ủy thác tư pháp và đăng VOV5 tổng cộng 10.400.000đ các nguyên đơn chịu, đã nộp tạm ứng và thực hiện xong.

Về án phí sơ thẩm: bà H, ông **P**, bà **NLQ1** , ông **NLQ2** là người cao tuổi nên được miễn án phí, những thừa kế còn lại phải chịu án phí theo quy định mỗi kỷ phần là 37.841.196đ (36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản vượt 800.000.000đ). Riêng phần án phí của ông **NLQ3** sẽ được trích ra từ kỷ phần tạm giao cho ông **P** quản lý, nên ông **P** phải nộp thay án phí phần của ông **NLQ3** . Số tiền đã nộp tạm ứng án phí của các nguyên đơn sẽ được khấu trừ hoặc được nhận lại theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, 34, 35, 37, 227, 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Án lệ số 06/2016/Al ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Chia căn nhà cấp 4, có gác lửng tọa lạc trên diện tích đất 146,8m^2 (T) theo Bản trích đo địa chính số 89/TTKTTNMT ngày 17/9/2019 của Trung tâm Kỷ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ; tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ cho ông **Trần Bá P** được quyền sở hữu và phải thanh toán trả cho:

- Bà **Trần Thị H** số tiền 1.722.746.374đ. (861.373.187đ x 2).
- Bà **Trần Thị Trang Đ** số tiền 861.373.187đ.
- Chị **Nguyễn Thị Diễm P** số tiền 861.373.187đ.
- Bà **Vương Thị Mỹ L**, anh **Trần Bá T** và chị **Trần Thị Kim T** số tiền 861.373.187đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/- Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà **NLQ1** và ông **NLQ3** mỗi người với số tiền là 861.373.187đ cho ông **Trần Bá P** quản lý để giao lại khi các thừa kế này có yêu cầu nhận kỷ phần của họ.

3/- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000424 ngày 12/8/1992 do UBND huyện T cấp cho cụ Trần Văn **K**, diện tích 153m^2 (T) thuộc thửa 261, tọa lạc ấp L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cần Thơ.

4/- Ông **Trần Bá P** được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với tài sản được chia thừa kế theo quy định pháp luật (*kèm theo Bản trích đo địa chính số 89/TTKTTNMT ngày 17/9/2019*).

5/- Về án phí sơ thẩm: bà Hồng, ông **P**, bà **NLQ1** , ông **NLQ2** được miễn; nên bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đ theo Biên lai số 000461 ngày 30/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Vương Thị L, anh **Trần Bá T**, chị **Trần Thị Kim T** liên đới chịu 37.841.196đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí 12.000.000đ theo Biên lai số 000463 ngày 30/11/2017 thành án phí sơ thẩm; nên còn phải nộp 25.841.196đ án phí sơ thẩm.

Chị **Nguyễn Thị Diễm P** chịu 37.841.196đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí 12.000.000đ theo Biên lai số 000460 ngày 30/11/2017 thành án phí sơ thẩm; chị P còn phải nộp 25.841.196đ án phí sơ thẩm.

Bà **Trần Thị Trang Đ** chịu 37.841.196đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí 12.000.000đ theo Biên lai số 000462 ngày 30/11/2017 thành án phí sơ thẩm; bà Đ còn phải nộp 25.841.196đ án phí sơ thẩm.

Ông **Trần Bá P** nộp thay phần của ông **NLQ3** số tiền 37.841.196đ án phí sơ thẩm.

6/- Về các chi phí tố tụng khác:

+ Chi phí thẩm định, định giá tài sản 10.448.000đ. Ông **P** chịu 3.918.000đ; bà H chịu 2.612.000đ; bà L, anh T, chị T liên đới chịu 1.306.000đ; bà Đ và chị P mỗi người chịu 1.306.000đ. Bà H đã nộp tạm ứng và chi xong, nên các đương sự phải nộp trả lại bà H tại giai đoạn thi hành án.

+ Chi phí ủy thác tư pháp và đăng VOV5 tổng cộng 10.400.000đ các nguyên đơn phải chịu, đã nộp tạm ứng và thực hiện xong.

Trong hạn 15 ngày đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **NLQ2** ; 30 ngày đối với người liên quan bà **NLQ1** và ông

NLQ3; kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND TP.Cần Thơ;
- Cục THADS TP.Cần Thơ;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc